TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Chấp Thị Hà**

2. Bà **Nguyễn Thị Thơm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông **Bùi Thanh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm2018 về việc *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị **Thạch Thị Konh T**, sinh năm 1985: có mặt

*2. Bị đơn:*Anh **Thạch N**, sinh năm 1976: vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp K, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Thạch Thị Kionh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Thạch N có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/9/2005. Thời gian chung sống vợ chồng được 13

năm lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N nhiều lần có hành vi đánh nguyên đơn dẫn đến ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Do vậy, nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Thạch Thị Kim A, sinh ngày 30/10/2005 và Thạch Thanh N, sinh ngày 25/12/2008 hiện đang sống chung với anh N.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là anh Thạch N không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không lý do.

Tại biên bản tiếp xúc ngày 22/5/2018, bà Thạch Thị Y là cô ruột của bị đơn và chị Lâm Thị Sa V đang sống chung vợ chồng với anh Thạch N đều xác định: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cự cải với nhau nên chị T bỏ nhà ra đi từ năm 2015 để lại hai đứa con cho anh N nuôi dưỡng, khi chị T bỏ nhà đi anh N cũng chung sống với chị Lâm Thị Sa V như vợ chồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 97 quyển số I ngày 13/9/2005 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, chị Thạch Thị Konh T và anh Thạch N là vợ chồng.

Theo Giấy khai sinh số 105, ngày 14/12/2017, cháu Thạch Thị Kim A, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Thạch Thanh N, sinh ngày 25/12/2008 là con chung của chị Thạch Thị Konh T và anh Thạch N.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh Thạch N vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng và đầy đủ, đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị Thạch Thị Kionh T và anh Thạch N thành hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên xác định quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Thời gian chung sống được 13 năm, lúc đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi,… cả hai cũng cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên đã ly thân khoảng 03 năm nay. Từ đó đến nay, vợ chồng ly thân và con do anh N trực tiếp nuôi. Anh N không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T, cũng không có mặt để tham gia hòa giải cho thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Theo bản khai ý kiến cháu Thạch Thị Kim A trình bày nguyện vọng sau khi ly hôn được sống chung với cha. Theo biên bản tiếp xúc ngày 22/5/2018 của bà Thạch Thị Y và chị Lâm Thị Sa V trình bày cháu Thạch Thanh N đang sống chung với anh Thạch N, hiện không có nhà nhưng nguyện vọng là cũng được chung sống với cha nên giao hai cháu Thạch Thị Kim A và Thạch Thanh N cho anh Thạch N nuôi dưỡng, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Thạch Thị Konh T được ly hôn với anh Thạch N.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Kim A, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Thạch Thanh N, sinh ngày 25/12/2008 cho anh Thạch N tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự chưa có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Thạch N vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Khonh T và anh Thạch N là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và chứng cứ do Tòa án thu thập đều thể hiện giữa T và anh N đã có mâu thuẫn vợ chồng được hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân với nhau trên 03 năm thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: cháu Thạch Thị Kim A, sinh ngày 30/10/2005 và cháu Thạch Thanh N, sinh ngày 25/12/2008 hiện đang sống với anh Thạch N nên giao

cho anh Thạch N tiếp tục nuôi dưỡng như nhận định của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung**:** Đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Thạch Thị Konh T do thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc sinh sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Konh T về việc ly hôn với bị đơn anh Thạch N.

2. Về con chung: Giao hai cháu Thạch Thị Kim A, sinh ngày 30/10/2005 và Thạch Thanh N, sinh ngày 25/12/2008 cho anh Thạch N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Thạch Thị Konh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Thạch Thị Konh T do thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc sinh sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Trà Ôn;
-THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Tân Mỹ
GCNKH số 97
ngày 13/9/2005;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu